TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS - ST
Ngày 28 - 5 - 2020
V/V Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyến
*Các Hội thẩm nhân dân:*ông Nguyễn Văn Duẫn và ông Mai Văn Ngọc
Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại phòng xét xử án Dân sự trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST ngày 12 tháng 6 năm 2019, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2020/QĐ-ST ngày 16/4/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C

Địa chỉ: T 5, khu B, phường H, quận M, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng P – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C Việt Nam – CN huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Người nhận uỷ quyền lại: Bà Trần Thị Thu N – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C Việt Nam – Chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Bình (theo Quyết định số 09/QĐ-NHC ngày 06/01/2020 của Ngân hàng C - Phòng giao dịch huyện Q). Bà C có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1957

Địa chỉ: Đăng ký NKTT tại xã C1, Huyện Q, tỉnh Quảng Bình, hiện cư trú tại Thôn H1, xã Q1, thị xã B, tỉnh Quảng Bình- vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đinh Thị Ngọc D, sinh năm 1987 - Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Thôn N1, xã C1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang sinh sống tại nước ngoài không rõ địa chỉ- vắng mặt lần thứ 2 không có lý do;

2. Chị Nguyễn Thị Trang H1, sinh năm 1983 - Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: Thôn N1, xã C1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình - vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019 và đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/6/2019 của nguyên đơn Ngân hàng C và được bổ sung tại các bản tự khai, tại các phiên hoà giải cũng như trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tại phiên toà, trình bày:

Từ ngày 25/12/2007 đến ngày 29/03/2011, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q đã cho vay gia đình bà Phạm Thị Đ vay cho sinh viên Đinh Thị Ngọc D và sinh viên Nguyễn Thị Trang H1 trang trải chi phí việc học tập với số tiền 49.600.000 đồng theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/09/2007 của Thủ tướng Chính phủ, sau đó từ ngày 27/01/2011 được điều chỉnh mức cho vay theo quyết định số 2077/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tưởng Chính phủ, cụ thể:

1. Sổ vay vốn có mã khách hàng số 3000007738 kèm Sổ lưu tờ rời theo dõi Cho vay - Thu nợ - Dư nợ số 6000003000013252 vay cho sinh viên Nguyễn Thị Trang H1 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Cao đẳng sư phạm TT Huế, bà Đ đã nhận số tiền vay là: 16.000.000đ với lãi suất 0,5%/tháng, lãi quá hạn 6,5%.

2. Sổ vay vốn có mã khách hàng số 3000007738 kèm Sổ lưu tờ rời theo dõi Cho vay - Thu nợ - Dư nợ số 6000003000001920 vay cho sinh viên Đinh Thị Ngọc D trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Đại học dân lập Phú Xuân, Bà Đ đã nhận số tiền vay là: 33.600.000đ với lãi suất 0,5%/tháng, lãi quá hạn 6,5%.

Số tiền cho khách hàng không có bảo đảm (cho vay thông qua tổ TK&VV do Hội Phụ nữ xã C1 huyện Q làm ủy thác).

Quá trình vay đến ngày khởi kiện bà Đ chỉ mới thực hiện nghĩa vụ trả lãi với số tiền 2.13.100đồng, số tiền còn lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Ngân hàng đã ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thông báo thu hồi nợ quá hạn cho gia đình bà Phạm Thị Đ để Ngân hàng giải quyết khoản nợ vay. Tuy nhiên gia đình Bà Phạm Thị Đ vẫn dây dưa không đến Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, dư nợ của gia đình bà Phạm Thị Đ vay cho sinh viên Nguyễn Thị Trang H1 đến ngày 17/9/2016 đã chuyển thành nợ quá hạn, tính đến ngày 17/04/2019 với tổng số tiền là: 24.381.184 đồng, trong đó: Nợ gốc: 16.000.000 đồng, nợ lãi: 8.381.184 đồng (lãi trong hạn: 7.632.912đ; lãi quá hạn: 748.272đ). Dư nợ vay cho sinh viên Đinh Thị Ngọc D đến ngày 17/5/2017 đã chuyển thành nợ quá hạn, tính đến ngày 17/4/2019 là: 55.078.118 đồng, trong đó: Nợ gốc: 33.600.000 đồng, nợ lãi: 21.478.118 đồng (lãi trong hạn: 20.313.301đ; lãi quá hạn: 1.164.817đ).

Đến ngày 17/05/2017 gia đình bà Phạm Thị Đ đã vi phạm hợp đồng tín dụng, số nợ của bà Phạm Thị Đ đã chuyển sang nợ quá hạn. Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, Ngân hàng C yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử buộc gia đình bà Phạm Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng C – Chi nhánh huyện Q số tiền 79.459.302 đồng (trong đó: nợ gốc 49.600.000 đồng; nợ lãi 29.859.302 đồng) và yêu cầu gia đình Bà Phạm Thị Đ tiếp tục trả lãi khoản vay phát sinh sau ngày 17/04/2019.

- Phía bị đơn bà Phạm Thị Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Ngọc D và chị Nguyễn Thị Trang H1 đều không có ý kiến.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 196, Điều 474, Điều 476 BLTTDS, cụ thể: Tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý án theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C cho bị đơn bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Trang H1. Toà án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Toà án để lấy lời khai, tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên toà. Nguyên đơn Ngân hàng C có mặt. Đối với bị đơn bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Trang H1, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành việc uỷ thác cho TAND thị xã Ba Đồn, TAND huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình để xác minh nơi cư trú và tống đạt các văn bản tố tụng đối với những người này. Kết quả xác minh hiện nay bị đơn bà Phạm Thị Đ đang cư trú tại thôn H, xã Q1, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, việc tống đạt các văn bản tố tụng đối với bà Phạm Thị Đ, chị D, chị H1 đều không có kết quả. Tại biên bản tống đạt ngày 18/02/2020 đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên toà cho bà Phạm Thị Đ thể hiện ông Đinh Hương G là chồng bà Đ nhận thay và cam đoan sẽ giao lại cho bà Đ. Theo biên bản xác minh nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của chị Đinh Thị Ngọc D và chị Nguyễn Thị Trang H1 tại xã C1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngày 03/12/2009 do ông Hoàng Thanh B – Trưởng công an xã C1 cung cấp thì hiện nay chị D và chị H không có mặt tại địa phương, 2 chị đi đâu không thông báo cho chính quyền địa phương biết. Theo thông tin xuất nhập cảnh tại Công văn số: 10020/QLXNC-P5 ngày 19/6/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh cho biết chị Đinh Thị Ngọc D lần xuất cảnh cuối cùng là ngày 31/10/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Việc tống đạt các văn bản tố tụng đến bị đơn bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Trang H1 không có kết quả nên Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của những người này, tiến hành đăng thông tin trên Báo Công lý trong 03 số báo liên tiếp (từ số 015 (713) – 017 (715) đối với chị Nguyễn Thị Trang H1 và kênh VOV5 danh cho người nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam trong 03 số báo liên tiếp (từ ngày 12/02/2020 – 14/02/2020) đối với chị Đinh Thị Ngọc D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 474; Điều 476; khoản 5 Điều 477, Điều 479 BLTTDS, Điều 466, 468 BLDS; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Trang H1. Về nội dung: Chấp

nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc gia đình bà Phạm Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng với số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 83.616.520 đồng(trong đó: Nợ gốc 49.600.000 đồng; nợ lãi 34.016.520đồng) và yêu cầu gia đình Bà Phạm Thị Đ tiếp tục trả lãi khoản vay phát sinh sau ngày 17/04/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019 và đơn bổ sung đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/6/2019 của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Phạm Thị Đ – Địa chỉ: Thôn H, xã Q1, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Trang H1 đều có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn N1, xã C1, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Do quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện. Vào thời điểm nguyên đơn khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Ngọc D đang cư trú tại nước ngoài. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 BLTTDS năm 2015, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý vụ án theo thẩm quyền.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên toà ngày 06/5/2020, bị đơn bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Trang H1 đều vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 476; điểm b khoản 3 Điều 477 Bộ Luật tố tụng dân sự, Toà án hoãn phiên toà.

Tại phiên toà hôm nay ngày 28/5/2020, bà Phạm Thị Thu N – là người đại diện của nguyên đơn có mặt; bị đơn bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Trang H1 vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 476; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn Ngân hàng C thì từ ngày 25/12/2007 đến ngày 29/03/2011, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q đã cho vay gia đình bà Phạm Thị Đ vay cho sinh viên Đinh Thị Ngọc D và sinh viên Nguyễn Thị Trang H1 trang trải chi phí việc học tập với số tiền 49.600.000 đồng theo chương trình cho vay Học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/09/2007 của Thủ tướng chính phủ. Quy trình cho vay được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn trong đó có Hướng dẫn số 2362A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 của Ngân hàng Chính sách Việt Nam, được thể hiện cụ thể:

1. Sổ vay vốn của bà Phạm Thị Đ có mã khách hàng số 3000007738 kèm Sổ lưu tờ rời theo dõi Cho vay - Thu nợ - Dư nợ số 6000003000013252 vay cho sinh viên Nguyễn Thị Trang H1 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Cao đẳng sư phạm TT Huế, bà Đ đã nhận số tiền vay là: 16.000.000đ với lãi suất 0,5%/tháng, lãi quá hạn 6,5%. Phân kỳ trả nợ 6 tháng 1 lần với số tiền phải trả là 1.236.000đ, ngày trả nợ lần đầu 05/3/2010.

2. Sổ vay vốn của bà Phạm Thị Đ có mã khách hàng số 3000007738 kèm Sổ lưu tờ rời theo dõi Cho vay - Thu nợ - Dư nợ số 6000003000001920 vay cho sinh viên Đinh Thị Ngọc D trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Đại học dân lập Phú Xuân, Bà Đ đã nhận số tiền vay là: 33.600.000đ với lãi suất 0,5%/tháng, lãi quá hạn 6,5%. Phân kỳ trả nợ 6 tháng 1 lần với số tiền phải trả là 3.733.000đ, ngày trả nợ lần đầu 05/4/2012.

Bà Phạm Thị Đ đã nhận tổng số tiền vay là 49.600.000đ. Quá trình vay đến ngày khởi kiện bà Đào chỉ mới thực hiện nghĩa vụ trả lãi với số tiền 2.013.100đồng. Hai khoản nợ vay của bà Đ đã trở thành nợ quá hạn kể từ ngày 17/5/2017, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi. Ngân hàng đã ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thông báo thu hồi nợ quá hạn cho gia đình bà Phạm Thị Đ để Ngân hàng giải quyết khoản nợ vay nhưng Đ vẫn dây dưa không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo bà Trần Thị Thu N – người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày tại phiên toà: Việc cho khách hàng vay vốn Ngân hàng C đã thực hiện theo quy định của Chính phủ, đồng thời việc lập hồ sơ cho vay vốn do chính quyền địa phương lập danh sách đề nghị. Theo Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C do xã Cảnh Hoá, huyện Q ngày 21/12/2007 và được Ngân hàng C huyện Q phê duyệt trong đó có danh sách gia đình bà Phạm Thị Đ được vay số tiền 48.000.000 cho cả 2 học sinh là chị H1 và chị D, với thời hạn 96 tháng và kể từ ngày 27/01/2011 được điều chỉnh mức cho vay theo quyết định số 2077/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Quá trình vay bà Đ đã nhận tổng số tiền là: 49.600.000đ nhưng Đ không thực hiện nghĩa vụ như trả nợ như đã cam kết, đến thời điểm hiện tại bà Đ vẫn còn số nợ gốc là 49.600.000đ, chỉ mới trả được số tiền lãi là: 2.013.100đồng. Đề nghị Toà án xét xử buộc bà Phạm Thị Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C cho cả hai khoản vay với tổng số tiền là: 83.616.520 đồng, trong đó: Nợ gốc: 49.600.000đ, nợ lãi: 34.016.520 đồng. Hội đồng xét xử thấy đơn khởi kiện của Ngân hàng C là có căn cứ.

[3.2] Về nghĩa vụ trả nợ: bà Phạm Thị Đ được xác định là người đứng tên vay vốn nên bà Đ có trách nhiệm trả nợ gốc và nợ lãi.

Từ [3.1] và [3.2], Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C là có căn cứ chấp nhận để buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C – Chi nhánh huyện Q số tiền: 83.616.520 đồng, trong đó nợ gốc: 49.600.000đ, nợ lãi 34.016.520 đồng và các khoản nợ lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch số tiền là: 4.180.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 227; Điều Điều 464; Điều 476, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 281; Điều 282; Điều 299; Điều 351; Điều 463, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C buộc bà Phạm Thị Đ trả nợ cho Ngân hàng C tính đến ngày 28/5/2020 với số tiền: 83.616.520 đồng(Trong đó nợ gốc là 49.600.000đ, nợ lãi: 34.016.520 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng số 300007738 tên người vay Phạm Thị Đ kèm Sổ lưu tờ rời theo dõi Cho vay - Thu nợ - Dư nợ số 6000003000013252 HSSV Nguyễn Thị Trang H1 và Sổ lưu tờ rời theo dõi Cho vay - Thu nợ - Dư nợ số 6000003000001920 HSSV Đinh Thị Ngọc D.

Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (28/5/2020) cho đến khi bà Phạm Thị Đ trả hết nợ, hàng tháng bà Phạm Thị Đ còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất tại Sổ vay vốn có mã khách hàng số 300007738 kèm kèm Sổ lưu tờ rời theo dõi Cho vay - Thu nợ - Dư nợ số 6000003000001920 và Sổ lưu tờ rời theo dõi Cho vay - Thu nợ - Dư nợ số 6000003000013252.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Phạm Thị Đ phải chịu 4.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng C có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Phạm Thị Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trang H1 và Đinh Thị Ngọc D vắng mặtcó quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyến